

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC THÚ Y CAI LẬY



Số: 60/CV-MKV

V/v công bố thông tin
Báo cáo tài chính năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Tiền Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty : Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy
2. Mã chứng khoán : MKV
3. Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
4. Điện thoại : 84-273-3710769 Fax: 84-273-3826363
5. Người được ủy quyền công bố thông tin: ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng Quản trị.
6. Nội dung thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

6.2 Nội dung giải trình:

Về doanh thu, doanh thu thuần năm 2021 đạt **131.162.017.640 đồng** tăng 14% so với cùng kỳ năm 2020.

Về lợi nhuận, lợi nhuận trước thuế đạt dương **8.756.665.491 đồng**, so với cùng kỳ năm 2020 là dương 7.612.462.172 đồng, lợi nhuận trước thuế tăng 1.144.203.319 đồng.

Công ty xin giải trình lợi nhuận trước thuế tăng 1.144.203.319 đồng là do tiết giảm được các chi phí trong sản xuất và kinh doanh thông qua việc (i) Cơ cấu lại các sản phẩm, đẩy mạnh bán hàng ở các nhóm sản phẩm chủ lực có hiệu quả; (ii) Cơ cấu lại sản phẩm, kế hoạch sản xuất phù hợp nhu cầu thực tế; (iii) Chi phí mua nguyên vật liệu giảm; (iv) Chính sách bán hàng linh động, phù hợp tại từng thời điểm; (v) Tiết giảm được chi phí tài chính.

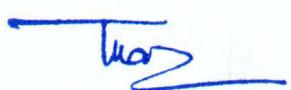
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.cailayvetco.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Người thực hiện công bố thông tin

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu HCNS


Nguyễn Anh Tuấn

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

MỤC LỤC

Trang

Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập
Ông Lê Thành Nam	Thành viên độc lập
Ông Ngô Phú Thỏa	Thành viên độc lập
Ông Đào Mạnh Hòa	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng ban
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc Điều hành
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc Điều hành

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đào Mạnh Lương.

Ông Đỗ Văn Tài được Ông Đào Mạnh Lương ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 01/UQ/CTHĐQT-MKV ngày 1 tháng 1 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐÓI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc: *[Signature]*



Đỗ Văn Tài
Giám đốc Điều hành

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61722613/22746318

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 22 tháng 3 năm 2021.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Phạm Xuân Tuân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4639-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		59.905.539.646	43.048.843.558
110	I. Tiền	4	3.069.292.957	3.732.130.227
111	1. Tiền		3.069.292.957	3.732.130.227
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	6.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.903.950.833	18.395.456.903
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	17.553.689.291	17.563.689.704
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.188.870.000	547.853.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	161.391.542	283.914.199
140	IV. Hàng tồn kho	8	28.753.119.238	20.597.700.303
141	1. Hàng tồn kho		29.123.276.952	20.597.700.303
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(370.157.714)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.179.176.618	323.556.125
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	704.997.757	244.496.903
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		147.488.868	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	326.689.993	79.059.222
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		48.659.999.858	56.441.514.910
220	I. Tài sản cố định		47.800.486.082	56.179.444.239
221	1. Tài sản cố định hữu hình Nguyên giá	9	47.800.486.082	56.173.328.110
222	Giá trị khấu hao lũy kế		101.165.897.669	101.165.897.669
223			(53.365.411.587)	(44.992.569.559)
227	2. Tài sản cố định vô hình Nguyên giá	10	-	6.116.129
228	Giá trị hao mòn lũy kế		260.000.000	260.000.000
229			(260.000.000)	(253.883.871)
260	II. Tài sản dài hạn khác		859.513.776	262.070.671
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	859.513.776	262.070.671
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		108.565.539.504	99.490.358.468

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		40.849.434.167	39.302.746.050
310	<i>I. Nợ ngắn hạn</i>		39.349.434.167	34.971.271.547
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	5.636.759.562	9.024.256.065
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		12.079.124	9.286.387
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	133.261.474	470.047.385
314	4. Phải trả người lao động		1.235.229.752	1.068.183.159
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	7.823.361.838	10.430.291.191
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	39.361.550	4.806.920
320	7. Vay ngắn hạn	16	24.506.611.948	14.001.631.521
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(37.231.081)	(37.231.081)
330	<i>II. Nợ dài hạn</i>		1.500.000.000	4.331.474.503
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	1.500.000.000	1.500.000.000
338	2. Vay dài hạn	16	-	2.831.474.503
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		67.716.105.337	60.187.612.418
410	<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>		67.716.105.337	60.187.612.418
411	1. Vốn cổ phần		50.000.380.000	50.000.380.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.380.000	50.000.380.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(380.000)	(380.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		69.863.124	69.863.124
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.646.242.213	10.117.749.294
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		10.117.749.294	3.064.884.156
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		7.528.492.919	7.052.865.138
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		108.565.539.504	99.490.358.468

Nguyễn Thị Mộng Duyên
Người lập

Võ Thị Lê Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài
Giám đốc Điều hành

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	131.162.017.640	114.822.038.607
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(9.402.625.240)	(11.402.470.160)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	121.759.392.400	103.419.568.447
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(92.159.265.974)	(74.630.562.872)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.600.126.426	28.789.005.575
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	126.861.925	33.824.510
22	7. Chi phí tài chính	20	(3.357.090.971)	(4.135.256.490)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(554.304.873)	(1.990.082.192)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(11.575.141.003)	(10.377.003.591)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(6.023.313.352)	(6.728.287.357)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.771.443.025	7.582.282.647
31	11. Thu nhập khác		1.218.198	34.400.572
32	12. Chi phí khác		(15.995.732)	(4.221.047)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(14.777.534)	30.179.525
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.756.665.491	7.612.462.172
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(1.228.172.572)	(559.597.034)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		7.528.492.919	7.052.865.138
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25	1.506	1.411
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25	1.506	1.411



Nguyễn Thị Mộng Duyên
Người lập



Võ Thị Lệ Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tân
Giám đốc Điều hành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		8.756.665.491	7.612.462.172
02	Khâu hao vào hao mòn	9,10	8.378.958.157	8.470.136.820
03	Các khoản dự phòng	8	370.157.714	-
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		9.900.000	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(120.241.139)	(2.716.510)
06	Chi phí lãi vay	20	554.304.873	1.990.082.192
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.949.745.096	18.069.964.674
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(2.903.613.569)	5.813.315.580
10	Tăng hàng tồn kho		(8.525.576.649)	(6.397.913.035)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(5.669.197.363)	11.895.225.468
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.057.943.959)	278.642.137
14	Tiền lãi vay đã trả		(491.909.881)	(2.024.551.845)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.758.088.008)	(735.250.912)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(2.456.584.333)	26.899.432.067
23	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
27	Chi tiền gửi có kỳ hạn		(6.000.000.000)	-
	Thu lãi tiền gửi		120.241.139	2.716.510
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(5.879.758.861)	2.716.510
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền thu từ đi vay	16	48.868.340.076	52.666.457.011
	Tiền trả nợ gốc vay	16	(41.194.834.152)	(77.629.988.083)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		7.673.505.924	(24.963.531.072)



Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(662.837.270)	1.938.617.505
60	Tiền đầu năm		3.732.130.227	1.793.512.722
70	Tiền cuối năm	4	3.069.292.957	3.732.130.227

Nguyễn Thị Mộng Duyên
Người lập

Võ Thị Lê Trinh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Tài
Giám đốc Điều hành

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200505472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 1 năm 2003 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("SGDCKHN"), với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN do SGDCKHN cấp ngày 21 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố 1, Phường 5, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 114 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 105 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi kinh doanh dở dang phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi đã trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền thuê cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bù đắp chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.15 Thông tin bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	362.025.878	12.165.817	
Tiền gửi ngân hàng	<u>2.707.267.079</u>	<u>3.719.964.410</u>	
TỔNG CỘNG	<u>3.069.292.957</u>	<u>3.732.130.227</u>	

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, có kỳ hạn gốc năm (5) tháng và hưởng lãi suất 3,2%/năm. Công ty đã thế chấp toàn bộ khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn nhằm đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 16.1).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	17.520.689.291	17.507.210.204	
- Công ty Cổ phần Thú y Châu Giang (trước đây là Công ty Cổ phần Thú y Mavin)	12.109.823.011	8.607.379.725	
- Đại lý Phân phối thuốc Thú y Thủy sản Thọ Nhung	516.530.913	630.205.997	
- Trang Trại Đỗ Quốc Dũng	485.175.600	292.929.000	
- Công Ty TNHH Thuốc Thú Y TW I	473.940.533	52.555.421	
- Công Ty CP Công Nghệ Mới Nông Nghiệp Phồn Thịịnh	420.195.405	263.350.500	
- Cửa hàng Thuốc Thú y số 2	358.269.668	295.610.837	
- Khác	3.156.754.161	7.365.178.724	
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 24)	<u>33.000.000</u>	<u>56.479.500</u>	
TỔNG CỘNG	<u>17.553.689.291</u>	<u>17.563.689.704</u>	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>17.553.689.291</u>	<u>17.563.689.704</u>	

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng nhân viên	119.503.982	283.914.199	
Khác	<u>41.887.560</u>	<u>-</u>	
TỔNG CỘNG	<u>161.391.542</u>	<u>283.914.199</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	20.086.242.082	-	14.833.685.442	-	
Thành phẩm	8.165.788.981	(370.157.714)	5.582.396.044	-	
Hàng hoá	871.245.889	-	181.618.817	-	
TỔNG CỘNG	29.123.276.952	(370.157.714)	20.597.700.303	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm và số cuối năm	<u>36.887.812.125</u>	<u>59.655.417.093</u>	<u>4.622.668.451</u>	<u>101.165.897.669</u>
Trong đó: Đã khấu hao hết	<u>1.220.533.465</u>	<u>2.042.142.510</u>	<u>1.357.078.364</u>	<u>4.619.754.339</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	<u>(8.779.334.112)</u>	<u>(32.626.121.434)</u>	<u>(3.587.114.013)</u>	<u>(44.992.569.559)</u>
Khấu hao trong năm	<u>(1.607.312.758)</u>	<u>(6.149.419.909)</u>	<u>(616.109.361)</u>	<u>(8.372.842.028)</u>
Số cuối năm	<u>(10.386.646.870)</u>	<u>(38.775.541.343)</u>	<u>(4.203.223.374)</u>	<u>(53.365.411.587)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>28.108.478.013</u>	<u>27.029.295.659</u>	<u>1.035.554.438</u>	<u>56.173.328.110</u>
Số cuối năm	<u>26.501.165.255</u>	<u>20.879.875.750</u>	<u>419.445.077</u>	<u>47.800.486.082</u>

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của Công ty cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội nhằm đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Mavin Austfeed, công ty trong cùng Tập đoàn của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Số đầu năm và số cuối năm	<u>260.000.000</u>
---------------------------	--------------------

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm	(253.883.871)
Hao mòn trong năm	(6.116.129)
Số cuối năm	<u>(260.000.000)</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>6.116.129</u>
Số cuối năm	<u>—</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

Số cuối năm Số đầu năm

Ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ	704.997.757	244.496.903
Chi phí bảo hiểm	49.523.935	76.516.378
Khác	17.076.767	57.410.547
	638.397.055	110.569.978

Dài hạn

Chi phí sửa chữa	859.513.776	262.070.671
Công cụ, dụng cụ	459.977.556	—
Khác	340.493.164	14.670.596
	59.043.056	247.400.075

TỔNG CỘNG

1.564.511.533	506.567.574
----------------------	--------------------

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

Số cuối năm Số đầu năm

Phải trả cho bên khác

- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hải Đăng	4.628.759.562	8.926.107.807
- Sun Pharmaceuticals Co., Ltd.	885.500.210	34.999.650
- Công ty Cổ phần BMT Quốc tế	828.900.000	—
- Công ty TNHH Hóa chất Navy	545.426.640	—
- Công ty TNHH Lva Việt Nam	527.000.530	1.647.093.254
- Công ty TNHH Dược phẩm Ami	—	1.341.870.009
- Khác	1.841.932.182	1.225.000.140

Phải trả cho các bên liên quan
(Thuyết minh số 24)

1.008.000.000	98.148.258
---------------	------------

TỔNG CỘNG

5.636.759.562	9.024.256.065
----------------------	----------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>VND Số cuối năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	372.739.010	1.228.172.572	(1.758.088.008)	(157.176.426)
Thuế giá trị gia tăng	49.644.593	1.706.007.996	(1.786.091.150)	(30.438.561)
Phí, lệ phí và các khoản khác	(34.399.972)	-	-	(34.399.972)
Tiền thuê đất	(44.659.250)	154.843.498	(214.859.282)	(104.675.034)
Thuế thu nhập cá nhân	47.663.782	617.637.843	(532.040.151)	133.261.474
TỔNG CỘNG	390.988.163	3.706.661.909	(4.291.078.591)	(193.428.519)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả</i>	470.047.385			133.261.474
<i>Phải thu</i>	(79.059.222)			(326.689.993)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Chiết khấu phải trả	6.378.598.963	7.135.786.815
Lương tháng 13	1.026.478.143	1.089.500.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	180.000.000	180.000.000
Chi phí tư vấn quản lý	-	1.200.000.000
Khác	238.284.732	825.004.376
TỔNG CỘNG	7.823.361.838	10.430.291.191
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	7.823.361.838	9.230.291.191
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	-	1.200.000.000

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	39.361.550	4.806.920
Kinh phí công đoàn	39.361.550	4.806.920
Dài hạn	1.500.000.000	1.500.000.000
Cỗ túc phải trả (*)	1.500.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	1.539.361.550	1.504.806.920

(*) Số dư trình bày cỗ túc phải trả theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông năm 2016 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 2/BB-HĐQT/MKV ngày 3 tháng 4 năm 2017. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 6/2021/NQHĐQT-MKV ngày 28 tháng 7 năm 2021, Hội đồng Quản trị đã gia hạn thời hạn chi trả cỗ túc này trong vòng 3 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY

	VND	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Ngắn hạn					
Vay ngân hàng (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)		14.001.631.521	34.868.340.076	(24.363.359.649)	24.506.611.948
Vay cá nhân (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)		11.133.106.024	29.868.340.076	(21.494.834.152)	19.506.611.948
Vay dài hạn đến hạn trả		-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Dài hạn					
Vay cá nhân		2.831.474.503	14.000.000.000	(16.831.474.503)	-
Vay các bên liên quan		-	14.000.000.000	(14.000.000.000)	-
Vay ngân hàng		1.200.000.000	-	(1.200.000.000)	-
TỔNG CỘNG		16.833.106.024	48.868.340.076	(41.194.834.152)	24.506.611.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	<u>19.506.611.948</u>	Từ ngày 13 tháng 1 năm 2022 đến ngày 30 tháng 5 năm 2022	5,00% - 6,2%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 6.000.000.000 VND của Công ty.

16.2 Vay dài hạn từ cá nhân

Công ty có các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ông Nguyễn Văn Tuyển	<u>5.000.000.000</u>	Ngày 28 tháng 12 năm 2022	0%	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	VND
Năm trước						
Số đầu năm	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	3.064.884.156	53.134.747.280	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	7.052.865.138	7.052.865.138	
Số cuối năm	<u>50.000.380.000</u>	<u>(380.000)</u>	<u>69.863.124</u>	<u>10.117.749.294</u>	<u>60.187.612.418</u>	
Năm nay						
Số đầu năm	50.000.380.000	(380.000)	69.863.124	10.117.749.294	60.187.612.418	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	7.528.492.919	7.528.492.919	
Số cuối năm	<u>50.000.380.000</u>	<u>(380.000)</u>	<u>69.863.124</u>	<u>17.646.242.213</u>	<u>67.716.105.337</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ phiếu

	Số lượng		
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Cổ phiếu được phép phát hành	5.000.038	5.000.038	
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.038	5.000.038	
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38	38	
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000	
	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>	

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	131.162.017.640	114.822.038.607
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	130.791.603.320	114.335.738.607
Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển	370.414.320	486.300.000
Giảm trừ	(9.402.625.240)	(11.402.470.160)
Chiết khấu thương mại	(8.735.930.729)	(11.339.909.030)
Hàng bán bị trả lại	<u>(666.694.511)</u>	<u>(62.561.130)</u>
Doanh thu thuần	<u>121.759.392.400</u>	<u>103.419.568.447</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	121.388.978.080	102.933.268.447
Doanh thu từ cho thuê xe và vận chuyển	370.414.320	486.300.000
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	121.415.678.080	103.029.168.447
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 24)	343.714.320	390.400.000

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	120.241.139	2.716.510
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	<u>6.620.786</u>	<u>31.108.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>126.861.925</u>	<u>33.824.510</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	91.839.065.502	74.244.874.830	
Giá vốn cho thuê xe và vận chuyển	320.200.472	385.688.042	
TỔNG CỘNG	92.159.265.974	74.630.562.872	

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	2.792.393.573	2.144.258.548	
Chi phí lãi vay	554.304.873	1.990.082.192	
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.392.525	915.750	
TỔNG CỘNG	3.357.090.971	4.135.256.490	

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	11.575.141.003	10.377.003.591	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.435.867.381	3.466.683.006	
Chi phí nhân viên	5.171.758.074	5.435.119.677	
Chi phí đồ dùng văn phòng	439.206.489	1.139.285.998	
Chi phí khấu hao	368.108.511	281.738.710	
Khác	160.200.548	54.176.200	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.023.313.352	6.728.287.357	
Chi phí nhân viên	3.484.622.557	2.667.857.405	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.891.746.601	2.918.037.864	
Chi phí công cụ, dụng cụ	243.373.846	671.517.490	
Chi phí khấu hao	72.796.688	34.500.000	
Chi phí khác	330.773.660	436.374.598	
TỔNG CỘNG	17.598.454.355	17.105.290.948	

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	68.048.513.778	48.010.538.168	
Chi phí nhân viên	17.206.556.321	14.664.119.126	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.376.793.631	9.720.012.399	
Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 9, 10</i>)	8.378.958.157	8.470.136.820	
Chi phí khác	1.818.887.792	751.465.798	
TỔNG CỘNG	104.829.709.679	81.616.272.311	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	VND Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.228.172.572</u>	<u>559.597.034</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>8.756.665.491</u>	<u>7.612.462.172</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.751.333.098	1.522.492.434
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.199.148	844.209
Các khoản khác	-	(6.879.994)
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp 2017, 2018 theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP	-	(501.922.620)
Điều chỉnh liên quan đến Nghị định số 92/2021/NĐ-CP (*)	<u>(526.359.674)</u>	<u>(454.936.995)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>1.228.172.572</u>	<u>559.597.034</u>

(*) Căn cứ theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 10 năm 2021 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch COVID-19 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021. Trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN tương ứng với 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm này và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty Cổ phần Mavin Austfeed	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu Vay	1.448.000.000 -	975.000.000 4.800.000.000	
Công ty TNHH Austfeed Bình Định	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	262.027.140	98.148.258	
Công ty Cổ phần Mavin Duckfarm	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	103.714.320	97.500.000	
Công ty TNHH Liên doanh Mavin Austfeed	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	120.000.000 83.656.600	120.000.000 -	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mavin	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Doanh thu bán hàng	120.000.000	162.000.000 10.900.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ Vay Hoàn trả vay	1.008.000.000 1.200.000.000	- -	1.200.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mavin	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa và dịch vụ	22.000.000	22.000.000	
Công ty TNHH Liên doanh Mavin Austfeed	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa và dịch vụ	11.000.000	10.279.500	
Công ty Cổ phần Mavin DuckFarm	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa và dịch vụ	-	24.200.000	
TỔNG CỘNG			33.000.000	56.479.500	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Marvin	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	1.008.000.000	-	
Công ty TNHH Austfeed Bình Định	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	-	98.148.258	
TỔNG CỘNG			1.008.000.000	98.148.258	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Marvin	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	-	1.200.000.000
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Marvin	Công ty mẹ	Vay	-	1.200.000.000
Các giao dịch với các bên liên quan khác				

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Giám đốc và Ban kiểm soát ("BKS") bao gồm lương, thù lao và các chi phí liên quan như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đào Mạnh Lương	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Đào Mạnh Hòa	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Thành Nam	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Ngô Phú Thỏa	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS	24.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Kiều Chinh	Thành viên BKS	236.523.444	207.273.231
Ông Thân Văn Dũng	Thành viên BKS	182.477.486	186.980.192
Ông Đỗ Văn Tài	Giám đốc Điều hành	856.043.043	975.129.930
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Phó Giám đốc Điều hành	480.542.119	-
TỔNG CỘNG		1.911.586.092	1.525.383.353

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.528.492.919	7.052.865.138
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi trên cổ phiếu	5.000.000	5.000.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	1.506	1.411
- Lãi suy giảm	1.506	1.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	165.276.371	165.276.371	
Từ 2 năm đến 5 năm	826.381.855	826.381.855	
Trên 5 năm	2.538.534.314	2.703.810.685	
TỔNG CỘNG	3.530.192.540	3.695.468.911	

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản tiền thuê tối thiểu hàng năm trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động là 324.000.000 VND.

27. CÁC TRÌNH BÀY KHÁC CẦN THIẾT VỚI CÔNG TY

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính này.

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾ THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Nguyễn Thị Mộng Duyên
Người lập

Võ Thị Lê Trinh
Kế toán trưởng



Ngày 30 tháng 3 năm 2022